

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày 10-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Bào Thanh T**, sinh ngày 04/02/1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TAN, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 2/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Bào Thanh H, sinh năm 1976 và bà Trần Thị H, sinh năm 1978; anh chị em ruột: 02 người (01 nam, 01 nữ); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/10/2017 đến nay; (có mặt).

- Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Bào Minh L**, sinh ngày 12/8/1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TAN, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Bào Thanh H1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970; anh chị em ruột: 02 người (01 nam, 01 nữ); vợ: Lê Ngọc V; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/10/2016 đến nay; (có mặt).

- Người bị hại: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TAN, xã TAN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Bào Thanh H**, sinh năm 1969 (có mặt).

+ Ông **Bào Thanh H1**, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TAN, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

+ Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/10/2017, Bào Thanh T đến nhà Bào Minh L ở ấp TAN, xã Tạ AK, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau để tổ chức dùng rượu, sau khi dùng rượu xong T ngủ lại tại nhà của L. Đến khoảng 1 giờ ngày 21/10/2017 Bào Thanh T rủ Bào Minh L đi bắt ba khía, L đồng ý. L đem theo thùng, bao tay và cây dầm; cả hai xuống võ, máy (võ Composite hiệu Hữu Vui dài 5m7 của ông Bào Thanh H và máy Vangra 6.0HP của ông Bào Thành H1) đậu dưới bến sông trước nhà của L. Khi đi khoảng 20 phút đến trước bến sông nhà của ông Nguyễn Văn S trú cùng ấp; T cặp võ vào võ máy của ông S đang đậu trong rạp trước nhà. T dùng tay mở nắp thùng và phát hiện có nhiều tôm ở trong thùng nên nảy sinh ý định trộm cắp. T rủ L lấy tôm trong thùng bán để lấy tiền tiêu xài, L không nói gì thì T bước qua võ máy của ông S mở nắp thùng tôm và kêu L bước qua khênh thùng tôm tiếp. Cả hai khênh được thùng tôm bỏ qua võ, L bơi đi khoảng 50m thì T giật máy chạy về trước nhà của chị Trần Thu T (dì ruột của T) thuộc ấp TLB, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau cất giấu thùng tôm trong biển lá, sau đó T chạy võ máy về nhà L ngủ.

Đến khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày T rủ L đi chợ ĐD nên L rủ Phạm Quốc E (em rể của L) đi theo để phục hồi sim điện thoại cho cha L; Quốc E chạy xe mô tô hiệu Nouvo, biển kiểm soát 69D1-194... chở L còn T chạy xe mô tô hiệu Exciter, biển kiểm soát 69F1-170... của T, cả ba không đi uống cà phê mà chạy xe đến nơi cất giấu tôm để lấy tôm đi bán, khi nhìn thấy tôm Quốc E hỏi T: “Tôm ở đâu nhiều vậy”, T nói: “Trộm cắp” (đồng thời chỉ hai người), Quốc E nói: “Của người ta mà lấy gì”. Lúc này có Nguyễn Văn L nhìn thấy hỏi T: “Tôm ở đâu có”, T nói: “Đi bắt ba khía lượm được”, nghe vậy L dẫn T đi bán tôm chỗ quen để không bị ép giá. Quốc E chở L, T chở L cùng thùng tôm đi bán cho chị Trần Thị T (cơ sở thu mua tôm) tại ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Tôm sú loại 21 con/kg được 11,8kg; tôm sú loại 28con/kg được 5,8kg, tổng cộng hai loại tôm sú là 17,6kg, số tiền bán được là 4.322.000 đồng. Sau khi bán được T chia cho L 2.000.000 đồng, đưa cho Quốc E 200.000 đồng và đồ xăng cho hai chiếc xe mô tô là 100.000 đồng, còn 22.000 đồng đưa Quốc E cất giữ, trả tiền ăn sáng 125.000 đồng. T giữ 2.000.000 đồng chi xài cá nhân còn lại 1.310.000 đồng. Sau đó, do sợ liên quan Quốc E đã đưa lại số tiền 222.000 đồng cho T.

Về phía ông Nguyễn Văn S, khoảng 4 giờ ngày 21/10/2017 phát hiện bị mất một thùng tôm sú nên đã trình báo Công an xã TAK về việc mất trộm trên. Ông S cùng chính quyền địa phương mở camera tại nhà ông S thấy đối tượng trộm tôm là Bào Thanh T và Bào Minh L trú cùng địa chỉ. Cơ quan điều tra mời L và T về làm việc, qua làm việc cả hai thừa nhận có trộm 01 thùng tôm sú của ông Nguyễn Văn S.

Theo biên bản về việc định giá tài sản số 21/BB-ĐG ngày 23/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đàm Dơi kết luận: Tôm sú loại 21 con/kg, số lượng 11,8kg, giá 265.000 đồng còn 100% = 3.127.000 đồng; tôm sú loại 28 con/kg, số lượng 5,8kg, giá 206.000 đồng, còn 100% = 1.194.000 đồng; 01 cái thùng đựng tôm bằng nhựa bê ca composite (thùng nhựa để trong thùng xốp), kích thước 57cm x 42cm x 37cm, mua vào năm 2010, giá 318.000 đồng, hiện tại còn 15% giá trị sử dụng = 47.700 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 4.369.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số 37/KSĐT-KT ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố các bị cáo Bào Minh L và Bào Thanh T tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Sau khi phân tích tính chất nội dung của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T và L từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

- Tại phiên tòa: Bị cáo Bào Thanh T và bị cáo Bào Minh L thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại ông Nguyễn Văn S xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Ông Bào Thanh H, ông Bào Thanh H1 không yêu cầu bị cáo T và L hoàn trả tiền đã khắc phục hậu quả cho người bị hại và không có yêu cầu gì trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo T và L khai nhận khoảng 01 giờ ngày 21/10/2017 các bị cáo đi bắt ba khía, khi bơi vớ máy đến trước bến sông nhà của ông Nguyễn Văn S

trú cùng ấp thì phát hiện có nhiều thùng tôm để trên võ máy của ông S đang đậu trong rạp trước nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp và ngay sau đó thực hiện chiếm đoạt 01 thùng tôm đem cất giấu trong biên lá trước nhà của chị Trần Thu T thuộc ấp TLB, xã TD, huyện DD, tỉnh Cà Mau cất giấu. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày T và L đem bán cho chị Trần Thị T (cơ sở thu mua tôm) tại ấp MT, xã TAK, huyện DD, tỉnh Cà Mau số tiền là 4.322.000 đồng và chia nhau tiêu xài. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh S qua định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đầm Dơi ngày 23/10/2017 kết luận có tổng giá trị tài sản bằng 4.369.500 đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và lợi dụng đêm khuya lén lút chiếm đoạt tài sản của ông S để bán tiêu xài cá nhân. Do đó, xét có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố các bị cáo Bào Thanh T và Bào Minh L tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản chất ích kỷ, hẹp hòi, có tính tham lam, lười lao động nên lợi dụng sự sơ hở của ông Sao để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, gây mất an toàn trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo T tham gia vai trò chính là người rủ rê, đề xuất và tiêu thụ. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc hình phạt của bị cáo T nặng hơn bị cáo L là phù hợp, để các bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T và L có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại và được người bị hại xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng cho các bị cáo. Ngoài ra, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú, địa chỉ thường trú rõ ràng nên không cần thiết buộc các bị cáo tiếp tục chấp hành hình phạt tù cách ly với xã hội mà cần cho các bị cáo được hưởng án treo và có một khoản thời gian thử thách cũng có đủ điều kiện giáo dục các bị cáo cải sửa trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi là có căn cứ, phù hợp với nội dung vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không bị thiệt hại và không đặt ra yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

Đối với ông Bào Thanh H là cha của bị cáo L; ông Bào Thanh H1 là cha bị cáo T đã bồi thường cho ông S số tiền 15.280.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H và ông H1 không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Về vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ vật chứng là 01 chiếc xe hiệu Exciter màu trắng biển kiểm soát 69F1-170..., 01 thùng nhựa bê ca composite, 01 thùng xốp màu trắng, 01 cây dầm bằng gỗ, 01 cây đèn pin, 01 đôi bao tay, 01 cái thùng, 01 võ Composite hiệu Hữu Vui dài 5m7 và 01 máy Vanga 6.0HP đã qua sử dụng nhưng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu xong nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Đối với Phạm Quốc E biết số tôm mà bị cáo T và L đem bán là do trộm cắp mà có nhưng không tố giác, không chứa chấp, tiêu thụ và không có mục đích sinh lợi nên không đủ căn cứ xử lý hành vi về tội không tố giác tội phạm và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn L, chị Trần Thị T không biết tôm do các bị cáo trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo Bào Thanh T và bị cáo Bào Minh L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bào Thanh T và Bào Minh L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Bào Thanh T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/01/2018).

Xử phạt bị cáo Bào Minh L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/01/2018).

Giao bị cáo Bào Thanh T và bị cáo Bào Minh L cho Ủy ban nhân dân xã T AK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo T và bị cáo L, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Bào Thanh T và bị cáo Bào Minh L mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các bị cáo, ông S, ông H, ông H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên